

Bản án số: 118/2022/DS-PT

Ngày: 22-6-2022

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2022/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D; cư trú tại: Số 72 Thanh Niên, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Nguyễn Trung T; cư trú tại: Phường B, thị xã A, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 72/2 đường T, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Q: Ông Lê Quốc L; cư trú tại: Khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23/5/2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; cư trú tại: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 73, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 80 Võ Duy D, phường B, thị xã A, tỉnh B; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 84 đường V, phường B, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

5. Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường B: Ông Đoàn Văn T; Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường B là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 19/4/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn: Ông Huỳnh H - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A: Ông Lê Quang T - Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P; địa chỉ trụ sở: Số 340 đường L, phường T, thành phố Q, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P: Bà Trần Thị N - Phó giám đốc phòng giao dịch A là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2022); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Q là bị đơn và Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Duyên trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn M (chết năm 1995) và cụ Lê Thị Đ (chết năm 2011) sinh được 04 người con: Ông Nguyễn Văn Đ (chết lúc nhỏ), bà Nguyễn Thị L, bà, bà Nguyễn Thị Q và 01 người con nuôi tên Nguyễn Văn K. Cha mẹ bà không ai có con riêng. Ông bà nội, ngoại của bà đều chết trước cha mẹ bà. Cha, mẹ bà được ông bà nội cho thừa đất diện tích khoảng 700m², cha mẹ tự bỏ tiền ra xây dựng nhà và

được Nhà nước giao sử dụng 02 thửa ruộng, gồm: Thửa ruộng tục danh Đám Hầm, diện tích 2,4 sào và 01 thửa ruộng tục danh Ô cải tạo, diện tích 1,6 sào. Các thửa đất đều tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A. Năm 1996, UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng Nguyễn M. Năm 2015, UBND thị xã A giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư Kim C tài sản của cha mẹ bà bị thu hồi và được hỗ trợ, bồi thường. Tài sản của cha mẹ bà còn lại đang tranh chấp, gồm: Diện tích đất còn lại không bị thu hồi của thửa đất số 376 là 79m²; 02 lô đất số 18 và 19, khu A12 diện tích mỗi lô là 102m², Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tháng 4/2020, bà đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước tổng cộng là 332.376.000đ và 02 lô đất nêu trên đã được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05796 (lô số 18) và GH05797 (lô số 19) cùng ngày 08/5/2020 và Số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh P là 269.520.000đ, sổ tiết kiệm tiền gửi do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A cất giữ. Đối với số tiền 168.602.880đ, hỗ trợ bồi thường thửa ruộng tục danh Đám Hầm, các chị em bà đã thỏa thuận phân chia xong, bà không yêu cầu giải quyết.

Cụ Nguyễn M chết không để lại di chúc. Ngày 27/01/2010, cụ Lê Thị Đ lập di chúc để lại phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của cụ và cụ M cho bà thừa kế. Bà yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của bà theo di chúc của cụ Lê Thị Đ. Di sản của cụ M, bà yêu cầu chia theo pháp luật. Bà xin nhận bằng hiện vật. Đồng thời yêu cầu bà Q, bà L và ông K chia phần hoàn trả cho bà số tiền 332.376.000đ mà bà đã nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất nêu trên.

Về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất ruộng của bà Nguyễn Thị V: Bà Nguyễn Thị V là vợ trước của ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn H là con của bà V và ông K. Năm 1993, bà V và anh H sinh sống tại nhà cụ Nguyễn M nên được giao sử dụng bổ sung thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo. Năm 1994, bà V, ông K tự chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bà V dẫn anh H về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cụ Nguyễn M và cha của bà V là cụ Nguyễn L đã thống nhất cho bà V sử dụng thửa ruộng Ô Cải Tạo để nuôi anh H. Các thành viên trong gia đình bà không ai có ý kiến gì. Bà thống nhất chia thửa ruộng cho bà V và anh H được tiếp tục sử dụng theo như sự phân chia của cụ Nguyễn M khi còn sống.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Quyên trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về mối quan hệ gia đình. Cha mẹ bà được ông bà nội cho một mảnh vườn, cha mẹ tự bỏ tiền ra xây dựng nhà. Nhà, đất đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn M, diện tích được giao quyền bao nhiêu bà không rõ. Năm 2015, UBND thị xã A giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư Kim C. Nhà, đất của cha mẹ bà bị thu hồi còn lại một phần và được hỗ trợ bồi thường và cấp đất tái định cư. Tài sản của cụ M, cụ Đ còn lại, cụ thể như bà D trình bày.

Cụ Nguyễn M (chết năm 1999) và cụ Lê Thị Đ (chết ngày 04/12/2010AL),

không để lại di chúc. Di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 do bà D cung cấp là không hợp pháp, vì thời điểm lập di chúc cụ Đ bị tai biến nặng, nằm một chỗ, không nhận thức được nên không thể đến UBND thị trấn làm di chúc. Hơn nữa, bà trực tiếp chăm sóc cho cụ Đ, nhưng không nghe cụ Đ nói gì về việc đã lập di chúc. Bà yêu cầu hủy bản di chúc. Di sản của cha mẹ để lại bà yêu cầu chia theo pháp luật, phần của bà xin nhận bằng hiện vật.

Đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất số 18, 19 mà bà D đã nộp. Bà yêu cầu giao số tiền gửi tiết kiệm mở tại ngân hàng BIDV trả cho bà D để căn trừ, nếu thiếu thì chia đều cho bà, bà Liên và ông K trả cho bà D.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H bà thống nhất như trình bày của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và việc chia ruộng cho bà Nguyễn Thị V. Cha là cụ Nguyễn M (chết năm 1999) và mẹ là cụ Lê Thị Đ (chết ngày 04/12/2010AL), không để lại di chúc. Di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 do bà D cung cấp là không hợp pháp, vì thời điểm lập di chúc cụ Đ bị tai biến nặng, nằm một chỗ, không nhận thức được, nên không thể đến UBND thị trấn làm di chúc được. Bà yêu cầu hủy bản di chúc. Di sản của cha mẹ để lại chia theo pháp luật, phần của bà xin nhận bằng hiện vật. Đối với số tiền sử dụng đất bà D nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho 02 lô đất và tiền bồi thường thừa ruộng có tục danh Đám Hầm bà thống nhất như đề nghị của bà Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hóa trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và di sản của cụ Nguyễn M, cụ Lê Thị Đ chết để lại. Cụ Nguyễn M và cụ Lê Thị Đ chết không để lại di chúc. Về di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010, số tiền sử dụng đất bà D nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho 02 lô đất, tiền bồi thường thừa ruộng có tục danh Đám Hầm và việc chia ruộng cho bà Nguyễn Thị V cũng như yêu cầu chia thừa kế thì ông bà thống nhất như đề nghị của bà Q. Ông yêu cầu nhận phần diện tích đất 79m² đất ở không bị giải tỏa để làm nhà từ đường, thờ cúng cha mẹ. Nếu giá trị đất nhiều hơn kỷ phần ông được chia thì ông sẽ thối lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Nếu giá trị thấp hơn kỷ phần ông được chia thì ông không yêu cầu các đồng thừa kế khác thanh toán lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân trình bày:

Bà là vợ trước của ông Nguyễn Văn K. Bà và ông K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, về sống chung với nhau từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 1993, bà và con trai (anh Nguyễn Văn H) được giao quyền sử dụng thửa ruộng tục danh là Ô Cải Tạo, diện tích 1,6 sào tại tổ 5, khu vực Kim C, thị trấn B (phường B), cấp chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn M đứng tên. Năm 1994, bà và ông K chấm dứt cuộc sống chung, bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cha của bà (cụ Nguyễn L) và cụ Nguyễn M đã thỏa thuận chia

thừa ruộng tục danh nói trên cho mẹ con bà sử dụng và gia đình cụ M không ai có ý kiến gì. Nay bà xin được nhận thừa ruộng để mẹ con bà trọn quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh là con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị V. Anh thống nhất như lời trình bày về thừa ruộng Ô Cải Tạo, diện tích 1,6 sào tại tổ 5, khu vực Kim C, phường B, nay là thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8 của bà Nguyễn Thị V.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, ông Đoàn Văn T trình bày:

Về quá trình chứng thực Bản di chúc: Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ do ông Nguyễn Đình Kh nguyên là Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường B trực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và tham mưu ông Bùi Bá U - Nguyên Chủ tịch UBND phường Bình Định chứng thực. Đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của ông Kh và ông U để xem xét, giải quyết. Bản di chúc của cụ Lê Thị Được do UBND thị trấn Bình Định (nay là phường B) chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27/01/2010 đang lưu trữ tại UBND phường theo quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. Hình thức Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ bằng văn bản đánh máy, có hai người làm chứng, người lập di chúc điểm chỉ vào Bản di chúc, những người làm chứng xác nhận và ký vào Bản di chúc là không trái quy định của pháp luật. Nội dung Bản di chúc: cụ Lê Thị Đ để lại phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái là Nguyễn Thị D nên không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã A, ông Huỳnh H trình bày:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/19 ngày 13/01/1996, thì UBND huyện An (nay là thị xã A) cấp cho hộ cụ Nguyễn M gồm 03 thửa đất: Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181m², loại đất ở; thửa đất số 92, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.163m² loại đất lúa và thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, diện tích 896m² loại đất lúa. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1993, thửa đất 377, tờ bản đồ số 5, diện tích 138m², loại đất T cụ Nguyễn M kê khai đăng ký sử dụng, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng công trình: Nâng cấp mở rộng đường Lê Hồng P, khu vực Kim C, phường B thì diện tích đo đạc thực tế của hộ cụ Nguyễn M đang sử dụng 383m², bị thu hồi và hỗ trợ bồi thường 304,4m² (đất ở 200m² và đất vườn 64,4m²) tại 02 thửa đất 376 và 377, diện tích đất còn lại của hộ cụ Nguyễn M là 79m² đất ở thuộc thửa đất số 376.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A, ông Lê Quang T trình bày:

Tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND thị xã An N về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng Khu quy hoạch dân cư Tổ 5 Kim C (đợt 2), hộ ông Nguyễn M bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 5 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

là thửa số 92), diện tích bị ảnh hưởng 1.145,5m² loại đất LUC, đất hạng 2, tổng số tiền nhận là 168.602.880đ. Tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng Khu quy hoạch dân cư Tổ 5 Kim C (đợt 4) và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMT và tái định cư điều chỉnh, bổ sung phương án thực hiện đợt 04 tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 (đợt 10), thửa 376 được bồi thường 102m² đất ở, diện tích đất còn lại 79m² là đất ở; thửa 377 được bồi thường 138m² đất ở, diện tích còn lại được bồi thường là đất vườn. Số tiền bồi thường 02 đợt là 269.520.000đ. Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đã thống nhất và thỏa thuận gửi vào Ngân hàng BIDV, Chi nhánh P. Hiện Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thị xã A đang cất giữ sổ tiết kiệm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P, ông Lê Bá D trình bày:

Ngày 06/6/2016, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh P, số sổ AAB1211186, số tài khoản: 58110001569758 với số tiền gửi 269.520.000đ, trả lãi theo phương thức lãi nhập gốc và quay vòng nếu khách hàng không có yêu cầu khác. Số dư tài khoản tiền gửi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Xác định Di chúc cụ Lê Thị Đ lập ngày 24/01/2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Đ chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27/01/2010 là hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày 08/01/2011.

Xác định di sản của cụ Lê Thị Đ, cụ Nguyễn M hiện còn có tranh chấp phân chia gồm: Phần đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 79m²; Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m²; Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m² đều tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A; số tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh P, gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đ do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu.

Xác định nghĩa vụ tài chính bà Nguyễn Thị D đã thực hiện đối với 02 thửa đất số 969 và thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17 là 332.376.000đ.

Xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn M gồm: Cụ Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K; người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Đ gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K.

Chia cho bà Nguyễn Thị D quyền sử dụng:

Phần diện tích 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 thuộc khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/19 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A (nay là thị xã A), tỉnh B cấp cho cụ Nguyễn M (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m², loại đất ở thuộc khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05796 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Giao cho bà Nguyễn Thị D sở hữu số tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh P tại Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06/6/2016 do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đ và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị D thực hiện việc rút tiền.

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn K sở hữu số tiền 98.138.053đ.

Chia cho bà Nguyễn Thị Q quyền sử dụng Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m², loại đất ở thuộc khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05797 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị L sở hữu số tiền 576.712.685đ; giao cho ông Nguyễn Văn K sở hữu số tiền 478.574.631đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K giao quyền sử dụng thửa đất số 181b(tục danh Ô cải tạo thuộc), tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 901,1m² tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/19 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A (nay là thị xã A), tỉnh B cấp cho cụ Nguyễn M cho bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn K (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Bác yêu cầu hủy Di chúc do cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh B chứng thực số 03, Quyết số 01/2010 ngày 27/01/2010 của bị đơn bà Nguyễn Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07/3/2022, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy di chúc do bà Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn

Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Q. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận di chúc ngày lập ngày 27/01/2010 của cụ Đ là hợp pháp, chia toàn bộ di sản thừa kế của vợ chồng cụ M, cụ Đ theo pháp luật cho các đồng thừa kế của cụ M, cụ Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L, HĐXX thấy rằng: Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp: *“1) Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây: ...b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật...3) Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực”*.

[1.1] Xét hình thức di chúc: Các bên đương sự đều thống nhất tại thời điểm lập di chúc ngày 27/01/2010, cụ Lê Thị Đ bị hạn chế về thể chất do cụ không đi lại được và cụ cũng là người không biết chữ nên theo quy định nêu trên, thì tại thời điểm cụ Được lập di chúc phải có mặt của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn X và bà Ngô Thị Xuân O và di chúc của cụ Đ phải được ông X và bà O lập và văn bản này phải có công chứng hoặc chứng thực. Tuy nhiên, ông và bà O đều khẳng định rằng tại thời điểm lập di chúc họ hoàn toàn không có mặt, bản di chúc không phải do họ lập và địa điểm bà O ký vào bản di chúc là khi bà đi ngang qua nhà cụ được thì bà D kêu vào bảo bà ký, còn ông X thì ký tại nhà mình. Hơn nữa, những người làm chứng ông Nguyễn Đình Kh là Công chức Tư pháp - Hộ tịch thị trấn B tại thời điểm lập di chúc, thừa nhận ông là người đánh máy bản di chúc theo nội dung giấy phân chia nhà đất do bà D cung cấp, về trình tự, thủ tục lập di chúc không là phù hợp với quy định của pháp luật và ông Bùi Bá U chủ tịch UBND thị trấn B, cũng thừa nhận ông không chứng kiến việc cụ Được lập di chúc và bản di chúc là do ông Kh mang về, ông chứng thực di chúc tại UBND thị trấn B mà không có mặt cụ Đ và ông X, bà O (BL: 246 - 250). Như vậy, đã có sự vi phạm về hình thức trong việc lập và chứng thực di chúc ngày 27/01/2010 của cụ Lê Thị Đ.

[1.2] Xét nội dung di chúc: Trong nội dung di chúc thể hiện, tài sản thừa kế là một phần nhà và một phần quyền sử dụng đất, nhưng không thể hiện rõ ràng, cụ thể tài sản này gồm phần nhà, đất nào, diện tích là bao nhiêu, vị trí ở đâu trong thửa đất nên không thể xác định tài sản cụ thể mà cụ Đ để lại cho bà D (BL: 12). Do đó, nội dung của di chúc là trái với quy định của pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy di chúc ngày 27/01/2010 của cụ Lê Thị Được là không hợp pháp, vì cả hình thức lẫn nội dung của di chúc đều trái pháp luật

nên cấp sơ thẩm xác định di chúc là hợp pháp và di sản của cụ Được để lại cho bà Duyên là $\frac{1}{2}$ nhà đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 05, tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A, tỉnh B là không có căn cứ. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị L là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận nên sửa một phần Bản án sơ thẩm.

[3] Như vậy, toàn bộ di sản của vợ chồng cụ M, cụ c gồm: 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 có giá trị 1.343.000.000 đồng, Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17 có giá trị 1.632.000.000 đồng, Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17 có giá trị 1.632.000.000 đồng, đều tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A, tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P, gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476 đồng. Tổng giá trị là: 4.946.077.476 đồng, sau khi trừ đi chi phí bà D bỏ ra làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất còn lại: 4.946.077.476 đồng - 332.376.000 đồng = 4.613.701.476 đồng, được chia đều theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ M, cụ Đ, cụ thể:

- 4.613.701.476 đồng : 04 kỳ phần = 1.153.425.369 đồng/kỳ phần.

- Bà D được nhận phần diện tích 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 và Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17 có tổng giá trị là 1.343.000.000 đồng + 1.632.000.000 đồng = 2.975.000.000 đồng nên phải giao lại cho bà L và ông K: 2.975.000.000 đồng - 1.153.425.369 đồng/kỳ phần = 1.821.574.631 đồng giá trị chênh lệch kỳ phần được nhận (trong đó giao cho bà L 1.153.425.369 đồng và ông K 668.149.262 đồng). Ngoài ra bà D còn được sở hữu 339.077.476 đồng (gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022) tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P, mà các đồng thừa kế đã thông nhất giao cho bà D, để trừ vào số tiền bà D đã bỏ ra để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước, để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 18, 19 (khu A12) và bà D còn phải giao lại cho bà L, bà Q và ông K mỗi người với số tiền chênh lệch còn lại là: 339.077.476 đồng - 332.376.000 đồng = 6.701.476 đồng : 4 người = 1.675.369 đồng/người.

- Bà Q được nhận Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17 có giá trị 1.632.000.000 đồng nên phải giao lại cho ông Hóa: 1.632.000.000 đồng - 1.153.425.369 đồng/kỳ phần = 485.574.631 đồng giá trị chênh lệch kỳ phần được nhận.

- Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/I9 ngày 13/01/1996 do UBND huyện A cho hộ cụ Nguyễn M.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà L, bà D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án

phí. Bà Q, ông K, bà V, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được nhận và bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng, bà D đã ứng chi xong. Bà D phải chịu 1.000.000 đồng nên Bà L, bà Q, ông K mỗi người phải hoàn trả cho bà D 1.000.000 đồng. Riêng bà V và anh H mỗi người phải hoàn trả cho bà D 500.000 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 25; Điều 34; Điều 35 của Pháp lệnh thừa kế 1990; các Điều 652, 653, 674, 675, 676, 683, 684, 685, 688, 733, 734, 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 623 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về chia phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn M theo pháp luật.

2. Tuyên bố di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 là không hợp pháp. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu được nhận phần di sản của cụ Lê Thị Đ trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn M, theo di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010.

3. Di sản của vợ chồng cụ Nguyễn M và cụ Lê Thị Đ được chia thừa kế theo pháp luật như sau:

3.1 Bà Nguyễn Thị D được trọn quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm:

- Phần diện tích 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A, tỉnh B cấp cho cụ Nguyễn M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 811595, sổ vào sổ

cấp GCN: GH05796 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Số tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P, Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06/6/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2022.

3.2. Bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L 1.153.425.369 đồng, ông Nguyễn Văn K 668.149.262 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận, giao lại cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K mỗi người 1.675.369 đồng tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thừa lại.

3.3 Bà Nguyễn Thị Q được trọn quyền sử dụng Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 811591, số vào sổ cấp GCN: GH05797 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) và phải có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn K 485.574.631 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận.

3.4 Bà Nguyễn Thị L được trọn quyền sở hữu 1.153.425.369 đồng giá trị kỷ phần chia thừa kế được nhận do bà Nguyễn Thị D giao lại.

3.5 Ông Nguyễn Văn K được trọn quyền sở hữu 1.153.425.369 đồng giá trị kỷ phần chia thừa kế được nhận (trong đó có 668.149.262 đồng do bà Nguyễn Thị D giao lại và 485.574.631 đồng do bà Nguyễn Thị Q giao lại).

3.6 Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K mỗi người được sở hữu 1.675.369 đồng tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại, do bà Nguyễn Thị D giao lại.

3.7 Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H được trọn quyền sử dụng thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực Kim C, phường B, thị xã A, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A, tỉnh B cấp cho cụ Nguyễn M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D được miễn nộp. Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn K mỗi người phải chịu 46.602.761 đồng. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0005155 ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh B.

4.3 Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn K mỗi người phải hoàn trả cho bà D 1.000.000 đồng. Riêng bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải hoàn trả cho bà D 500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Phan Minh Dũng

Võ Công phương

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Duyên và bà Nguyễn Thị Liên thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Bà Nguyễn Thị Quyên và ông Nguyễn Văn Hóa mỗi người phải chịu là 27.068.507đ.

- Bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hảo mỗi người phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí. Bà Nguyễn Thị Vân được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004838 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[9.2] Lệ phí đo đạc định giá 5.000.000đ (năm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Duyên phải chịu 3.000.000đ; bà Nguyễn Thị Quyên, bà Nguyễn Thị Liên và anh Nguyễn Văn Hóa mỗi người phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hảo mỗi người phải chịu 250.000đ (hai trăm) đồng. Bà Nguyễn Thị Duyên đã nộp tạm ứng, nên buộc bà Nguyễn Thị Quyên, bà Nguyễn Thị Liên và anh Nguyễn Văn Hóa, bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hảo phải hoàn trả lại cho bà Duyên.

- 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 và Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại khu vực Kim Châu, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định phải giao lại cho bà Liên và ông Hóa: 2.975.000.000 đồng - 1.153.425.369 đồng/kỷ phần = 1.821.574.631 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần được nhận (trong đó giao cho bà Liên 1.153.425.369 đồng và ông Hóa 668.149.262 đồng). Ngoài ra bà Duyên còn được sở hữu 339.077.476 đồng (gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022) tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chỉ nhánh Phú Tài, mà các đồng thừa kế đã thống nhất giao cho bà Duyên, để trừ vào số tiền bà Duyên đã thực hiện nghĩa vụ tài chính làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Duyên còn phải giao lại cho bà Liên, bà Quyên và ông Hóa mỗi người với số tiền chênh lệch còn lại là: 339.077.476 đồng - 332.376.000 đồng = 6.701.476 đồng : 4 người = 1.675.369 đồng/người.

Ông Trương Bá Khiêm được trọn quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 68, diện tích 273m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số nhà 135 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), hiện ông Khiêm đang quản lý và ông Khiêm phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Trương Thị Lê 2.213.516.666 đồng, ông Trương Bá Khôi 2.213.516.666 đồng và bà Trương Thị Luyến 405.533.000 đồng giá trị chênh lệch di sản được nhận.

4.2 Ông Trương Bá Kháng được trọn quyền sử dụng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 68, diện tích 196,1m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số nhà 141 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), hiện ông Kháng đang quản lý và phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Trương Thị Luyến 74.316.667 đồng giá trị chênh lệch di sản được nhận. Ngoài ra ông Kháng còn phải giao thửa đất 114, tờ bản đồ số 68, diện tích 207,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, hiện do ông Kháng đang quản lý cho bà Luyến trọn quyền sử dụng và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 68, diện tích 100,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số 143 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh

Bình Định), hiện do ông đang quản lý cho anh Trương Phúc Hải trọn quyền sử dụng.

4.3 Anh Trương Phúc Hải được trọn quyền sử dụng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 68, diện tích 100,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số 143 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), do ông Trương Bá Kháng giao lại và phải có nghĩa vụ giao cho bà Trương Thị Luyến 707.666.654 đồng, anh Trương Phúc Hiền 1.127.616.000 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần được nhận.

4.4 Bà Trương Thị Luyến được trọn quyền sử dụng thửa đất 114, tờ bản đồ số 68, diện tích 207,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, do ông Trương Bá Kháng giao lại và trọn quyền sở hữu 1.187.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế, (trong đó ông Trương Bá Khiêm giao lại 405.533.000 đồng, ông Trương Bá Kháng giao lại 74.316.667 đồng và anh Trương Phúc Hải giao lại 707.666.654 đồng).

4.5 Anh Trương Phúc Hiền được trọn quyền sử dụng thửa đất số 279, tờ bản đồ số 68, diện tích 1.102,2m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, hiện anh đang quản lý và trọn quyền sở hữu 1.127.616.000 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế do anh Trương Phúc Hải giao lại.

4.6 Bà Trương Thị Lê được trọn quyền sở hữu 2.213.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế do ông Trương bá Khiêm giao lại.

4.7 Ông Trương Bá Khôi được trọn quyền sở hữu 2.213.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế do ông Trương bá Khiêm giao lại.

4.8 Anh Trương Phúc Hiền phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Bá Khiêm 06 (Sáu) chỉ vàng 97%.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Lê, ông Trương Bá Kháng, ông Trương Bá Khiêm được miễn nộp. Bà Trương Thị Luyến và ông Trương Bá Khôi mỗi người phải chịu 99.148.667 đồng. Anh Trương Phúc Hiền phải chịu 62.361.480 đồng. Anh Trương Phúc Hải phải chịu 62.361.480 đồng, nhưng được khấu trừ vào 2.673.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 29 quyền số 4 ngày 03/6/1994; số: 09011 ngày 17/11/2015; số: 09115 ngày 29/01/2016 tại Chi cục Thi hành án huyện Tuy Phước. Anh Hải còn phải nộp 59.688.400 đồng.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trương Bá Khiêm 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0006955 ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

5.3 Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Lê, ông Trương Bá Kháng, bà Trương Thị Luyện, ông Trương Bá Khôi, anh Trương Phúc Hiền mỗi người phải hoàn trả cho anh Trương Phúc Hải 6.714.000 đồng. Ông Khiêm phải hoàn trả cho anh Hải 2.714.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm Phan Minh DũngVõ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm

Phan Minh Dũng Võ Công Phương

